TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG **ỦY BAN THẨM PHÁN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 74/2021/GĐT-DS
Ngày 18/9/2021
Vụ án *"Kiện đòi bồi thường thiệt hại tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 9 (*Chín*) thành viên tham gia xét xử, do ông Lê Phước Thanh – Thẩm phán làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Kiện đòi bồi thường thiệt hại tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản",* giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Trường S; cư trú: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:*

- Công ty TNHH MTV cà phê E; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn C – Quyền giám đốc.

- Bà Đinh Thị Hải Â; cư trú: Thôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Hồ Thị T (*là vợ ông S*); cư trú: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Trường S trình bày:*

Ngày 13/4/2018, Công ty TNHH MTV cà phê E (*sau đây gọi tắt là Công ty E*) mời Ông làm việc với nội dung Ông không hợp tác thanh toán nợ sản phẩm khoán và tiền thuê đất từ năm 2011-2018 theo Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 5.123/HĐKT- năm 2008 (*thực hiện năm 2010*). Công ty E cho rằng Ông còn nợ sản phẩm khoán 1.232 kg tiêu khô (*154 kg X 8 năm*) và tiền thuê đất từ năm 2011 đến năm 2018 là không đúng, vì từ năm 2011 đến 2013 Ông đã nộp xong sản phẩm khoán và nộp tiền thuê đất; từ năm 2013 đến năm 2016, Công ty ký hợp đồng giao cho bà Â nhận khoán nên bà Â phải

có nghĩa vụ nộp cho Công ty E và bà Â đã nộp xong chứ không phải nghĩa vụ của Ông; Năm 2018, Ông đã nộp sản phẩm khoán năm 2017, 2018 là 310 kg tiêu khô cho Công ty. Việc Công ty E tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty E với Ông, ký kết hợp đồng giao khoán đối với bà Đinh Thị Hải Â và giao vườn cây cho bà Â quản lý là không đúng.

Nay, Ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty E tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 5.123/HĐKT- năm 2008 giữa Công ty E với Ông; đồng thời, hủy Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 5.183/HĐKT- Cty ngày 24/01/2019 giữa Công ty với bà Â *(tại phiên tòa, ông S rút yêu cầu buộc Công ty E bồi thường thiệt hại 3.000 kg tiêu khô, bà Â bồi thường thiệt hại tài sản 3.000 kg tiêu khô)*.

- Bị đơn là Công ty TNHH MTV cà phê E trình bày:

Sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2016/DS-PT ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên Hợp đồng số 5.123/HĐKT- Cty năm 2013 giữa Công ty E với bà Đinh Thị Â vô hiệu, buộc Công ty E tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán 5.123/HĐKT- Cty năm 2008 (*thực hiện năm 2010*) giữa Công ty E với ông Lê Trường S thì Công ty E đã thi hành xong.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng số 5.123/HĐKT- Cty năm 2008, ông S vi phạm nghĩa vụ nộp sản phẩm khoán và nộp tiền thuê đất hàng năm cho công ty, cụ thể: năm 2018, ông S mới nộp 310 kg tiêu khô của năm 2017, 2018 còn từ năm 2011-2016 ông S chưa nộp sản phẩm khoán 922 kg tiêu khô (154 kg X 6 năm) và chưa nộp tiền thuê đất từ năm 2011 đến năm 2018 là 7.196.000 đồng, là vi phạm hợp đồng.

Công ty đã nhiều lần mời ông S làm việc để đối chiếu công nợ và yêu cầu ông S thanh toán nợ nhưng ông S không hợp tác; vì vậy, Công ty E căn cứ Hợp đồng giao nhận khoán ra thông báo chấm dứt Hợp đồng giao khoán số 5.123/HĐKT- Cty, yêu cầu ông S đến trụ sở Công ty E để nhận tiền giá trị đền bù vườn cây theo chứng thư thẩm định giá nhưng ông S không thực hiện. Công ty E đã tổ chức thu hồi vườn cây và ra thông báo tìm người thuê khoán khác tiếp tục chăm sóc vườn cây; ngày 20/01/2019, bà Đinh Thị Hải Âu có đơn xin nhận khoán, xét thấy bà Â có đủ điều kiện nhận khoán nên ngày 24/01/2019, Công ty E đã ký Hợp đồng giao nhận khoán số 5.183/HĐKT với bà Â và giao vườn cây cho bà Â quản lý, chăm sóc.

Như vậy, Công ty E chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán với ông S và ký Hợp đồng giao nhận khoán với bà Â là đúng quy định của pháp luật; việc S yêu cầu tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán 5.123/HĐKT- Cty năm 2008 giữa Công ty E với ông Lê Trường S là không có căn cứ.

- Bị đơn là bà Đinh Thị Hải Â trình bày:

Vợ chồng Bà kết hôn vào ngày 20/6/2010, lúc đó, Bà có nhờ ông Lê Trường S (*là anh con chú bác với chồng của Bà*) đứng tên mua mảnh đất 7.000 m^2 của ông Cao Xuân Phương, bà Bạch Thị Lài. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng Bà xây một căn nhà diện tích 9 m^2 và canh tác vườn cây. Ngày 13/9/2013, chồng Bà chết, ông S khởi kiện Bà, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử tại Bản án dân

sự phúc thẩm số 81/2016/DS-PT ngày 16/6/2016 thì Bà đã thi hành xong; ngày 16/3/2017, Bà nhận 107.547.678 đồng mà ông S bồi thường cho Bà theo bản án trên. Theo đơn xin của Bà, ngày 24/01/2019, Công ty E ký với Bà Hợp đồng giao nhận khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 5.183/HĐKT, giao diện tích 7.000 m^2 cho bà Canh tác. Ngày 05/02/2019, ông S vào vườn tiêu chặt 12 trụ tiêu mà Bà nhận khoán của Công ty E, đến ngày 15/02/2019, ông S tổ chức thuê giang hồ đến thu hoạch vườn tiêu với số lượng 6.000 kg tiêu khô, trị giá 300.000.000 đồng

Nay, ông S yêu cầu hủy Hợp đồng giao nhận khoán số 5.183/HĐKT ngày 24/01/2019 giữa Công ty E với Bà thì Bà không đồng ý, vì sau khi nhận khoán Bà đã nộp 356.000.000 đồng cho Công ty để Công ty hoàn trả cho ông S. Bà phản tố yêu cầu ông S bồi thường 300.000.000 đồng và giá trị 12 cây tiêu đã chặt là 7.985.040 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 408, khoản 2 Điều 492 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường S;

Tuyên bố Hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 5.183/HĐKT ngày 24/01/2019 ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E và bà Đinh Thị Hải Â đối với lô đất 8 + 9, thửa đất số 10867, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.000 m^2 tại thôn 23, xã E, huyện C là vô hiệu.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E phải chấm dứt việc đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán, tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao khoán số 5123/HĐGK-Cty đã ký kết vào tháng 6/2010 đối với ông Lê Trường S.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường S về việc đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E phải bồi thường 3.000 kg tiêu khô và bà Đinh Thị Hải Â phải bồi thường 3.000 kg tiêu khô.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị Hải Â về việc kiện đòi ông Lê Trường S phải bồi thường thiệt hại 6.000 kg tiêu khô và giá trị 12 cây tiêu bị chặt phá là 7.985.040 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 05/12/2019, bị đơn là Công ty E kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 05/12/2019, bị đơn là bà Đinh Thị Hải Â kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của Bà.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2020/DS-PT ngày 19/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty 'TNHH MTV cà phê E và một phần đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Hải Â.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 1 Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Thủ tướng C phủ.

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp đơn khởi kiện của ông Lê Trường S về việc yêu cầu tuyên bố hành vi của Công ty TNHH MTV cà phê E đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với ông Lê Trường S vào ngày 05/7/2018 đối với hợp đồng giao khoán số: 5123/GK ký tháng 10/2010 là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Buộc Công ty TNHH MTV cà phê E phải tiếp tục thực hiện hợp đồng giao khoán số: 5123/GK ký tháng 10/2010 và yêu cầu hủy tuyên bố Hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 5.183/HĐKT ngày 24/01/2019 ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E và bà Đinh Thị Hải Â đối với lô đất 8 + 9 thửa đất số 10867, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.000m^2 tại thôn 23, xã E, huyện C là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường S về việc đòi Công ty TNHH MTV cà phê E bồi thường 3.000 kg tiêu khô và bà Đinh Thị Hải Â bồi thường 3.000 kg tiêu khô.

3. Không chấp nhận đơn phản tố của Bà Đinh Thị Hải Â về việc đòi ông Lê Trường S phải bồi thường thiệt hại 6.000 kg tiêu khô và trị giá 12 cây tiêu bị chặt phá là 7.985.040 đồng.

Ngoài ra, Tòa án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 05/6/2020, ông Lê Trường S có Đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 105/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 26/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2020/DS-PT ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, với nhận xét:

Tháng 10/2010, ông Lê Trường S và Công ty trách nhiệm hữu hạn cà phê một thành viên E (gọi tắt là Công ty cà phê E) ký Hợp đồng giao nhận khoán vườn cây số 5.123/HĐKT-Cty, theo đó ông Lê Trường S nhận thửa đất số 10867, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.000 m^2 tại thôn 23, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất để quản lý, sử dụng chăm sóc cây trồng và thu hoạch nộp sản phẩm.

Tháng 12/2013, Công ty cà phê E đơn phương chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết với ông Lê Trường S, thay vào đó Công ty chuyển Hợp đồng

giao khoán số 5.123/HĐKT-Cty sang cho bà Đinh Thị Hải Â, giao toàn bộ diện tích 7.000 m^2 nêu trên và tài sản trên đất để bà Â quản lý chăm sóc cây trồng và thu hoạch nộp sản phẩm.

Sau khi xảy ra tranh chấp, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2016/DS-PT ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã tuyên: "... Hợp đồng số 5.123/HĐKT- Cty năm 2013 ký kết giữa Công ty TNHH MTV cà phê E và bà Đỉnh Thị Hải Â là vô hiệu, buộc Công ty phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết với ông Lê Trường S ... ".

Ngày 11/01/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã cưỡng chế thi hành án bàn giao thửa đất số 10867, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.000 m^2 tại thôn 23, xã E, huyện C và tài sản trên đất cho ông Lê Trường S quản lý, sử dụng và chăm sóc cây trồng.

Ngày 13/4/2018, Công ty cà phê E tổ chức cuộc họp thông báo ông Lê Trường S còn nợ sản phẩm từ năm 2011 đến năm 2018, cụ thể mỗi năm là 154 kg x 8 năm = 1.232 kg tiêu khô. Sau đó ông S đã nộp 310 kg tiêu khô cho niên vụ 2016 - 2017; 2017 - 2018. Phần còn lại Công ty cà phê E cho rằng ông S còn nợ sản phẩm các năm 2011 đến 2016 là 922 kg tiêu khô.

Ngày 24/01/2019, Công ty cà phê E lại đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán với ông Lê Trường S và ký Hợp đồng giao nhận khoán số 5.183/HĐKT-Cty với bà Đinh Thị Hải Â, giao toàn bộ diện tích đất và vườn cây cho bà Â quản lý và thu hoạch sản phẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã yêu cầu Công ty cà phê E cung cấp tài liệu thể hiện ông Lê trường S còn nợ sản lượng hồ tiêu, nhưng Công ty cà phê E chỉ cung cấp được Bản kê thể hiện "... ông Lê Trường S còn nợ sản phẩm từ năm 2011 đến năm 2018 là 1.232 kg đã nộp 310 còn lại 922 kg ...". Trong bản kê không có chữ ký của giám đốc, kế toán công ty, bản kê đóng dấu treo ở góc trên bên trái và không có chữ ký của ông Lê Trường S.

Đối với khoản nợ thuế: Công ty cà phê E, xuất trình "Biên bản tổng hợp giao nộp và quyết toán nợ năm 2018" do giám đốc và kế toán lập, không có chữ ký của đội trưởng đội sản xuất, không có chữ ký của ông Lê Trường S thể hiện ông S còn nợ số tiền 7.196.000 đồng tiền thuê đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường S; Tuyên bố Hợp đồng giao khoán sử dụng đất số 5.183/HĐKT-Cty ngày 24/01/2019, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E với bà Đinh Thị Hải Â đối với lô đất 8+9, thửa đất số 10867, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.000 m^2 tại thôn 23, xã E, huyện C là vô hiệu; Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao khoán số 5.123/HĐKT-Cty đã ký kết tháng 6/2010 đối với ông Lê Trường S là có căn cứ đúng pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2020/DS-PT ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường S là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông Lê Trường S.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

XÉT THẤY :

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Tháng 6/2010, ông Lê Trường S và Công ty E ký kết Hợp đồng giao nhận khoán vườn cây số 5.123/HĐKT-Cty; theo đó, Công ty E giao cho ông S nhận thửa đất số 10867, tờ bản đồ số 52, diện tích 7.000 m^2 tại thôn 23, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất để canh tác và ông S có nghĩa vụ nộp sản phẩm khoán hàng năm là 154 kg tiêu đen và các nghĩa vụ tài chính khác; thời hạn nhận khoán đến năm 2023. Năm 2013, Công ty E đơn phương chấm dứt Hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết với ông S và tháng 11/2013, Công ty E ký Hợp đồng giao khoán số 5.123/HĐKT-Cty với bà Đinh Thị Hải Â, giao toàn bộ diện tích 7.000 m^2 và tài sản trên đất cho bà Â sử dụng. Năm 2015, ông S với bà Â phát sinh tranh chấp và tại Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2016/DS-PT ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định tuyên bố Hợp đồng số 5.123/HĐKT- Cty vào tháng 11/2013, ký kết giữa Công ty E với bà Â vô hiệu; buộc Công ty E tiếp tục thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết với ông S. Ngày 11/01/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk cưỡng chế bàn giao đất, tài sản trên đất cho ông S quản lý và tiếp tục sử dụng.

Ngày 22/02/2017, ngày 05/4/2017, ngày 02/3/2018 Công ty E mời ông S đến làm việc để đối chiếu công nợ về tiền khoán sản phẩm và tiền thuê đất từ năm 2011 đến năm 2018 nhưng ông S không hợp tác. Ngày 03/4/2018, Công ty E tổ chức cuộc họp thông báo ông S còn nợ sản phẩm từ năm 2011 đến năm 2018 là 1.232 kg tiêu khô và 2.688.000 đồng tiền thuê đất. Sau đó, năm 2018, ông S nộp cho Công ty E sản phẩm khoán năm 2017, 2018 là 310 kg tiêu nhưng ông S không nộp tiền thuê đất. Ngày 29/8/2018, Công ty E ban hành thông báo số 13/TB-CT về việc chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán với ông S; ngày 05/7/2018 lập Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhận khoán với ông S và ban hành nhiều thông báo về việc yêu cầu ông S đến bàn giao vườn cây và nhận tiền bồi thường (*theo chứng thư thẩm định giá*) nhưng ông S không thực hiện. Ngày 24/01/2019, Công ty E ký Hợp đồng giao nhận khoán số 5.183/HĐKT-Cty với bà Đinh Thị Hải Â, giao toàn bộ diện tích đất và vườn cây cho bà Â quản lý và thu hoạch sản phẩm.

[2] Xét kháng nghị, thấy rằng:

[2.1] Tại Biên bản quyết toán giao, nộp sản phẩm tiêu vụ 2011-2012; 2012-2013 do Công ty E lập, thể hiện: ông S đã nộp sản phẩm khoán của niên vụ năm 2011- 2012 là 154 kg tiêu khô, năm 2012-2013 là 154 kg tiêu khô và tiền thuê đất năm 2013 đã nộp là 448.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định ông S đã nộp xong sản phẩm khoán và tiền thuê đất đến năm 2012 theo Hợp đồng giao nhận khoán số 5.123/HĐKT- năm 2010.

[2.2] Về nghĩa vu nộp sản phẩm khoán và tiền thuê đất từ năm 2013 đến năm 2016: Năm 2013, Công ty E đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán số

5.123/HĐKT-Cty đối với ông S và đến tháng 11/2013, Công ty E ký Hợp đồng giao khoán số 5.123/HĐKT-Cty với bà Â, giao toàn bộ diện tích 7.000 m^2 và tài sản trên đất cho bà Â sử dụng, bà Â đã nhận vườn cây canh tác từ năm 2013 đến năm 2016; trong quá trình giải quyết vụ án, bà Â và Công ty E xác định từ năm 2013 đến năm 2016, bà Â đã giao nộp đủ sản phẩm khoán, tiền thuê đất cho Công ty E. Hơn nữa, từ năm 2013 ông S đã bị Công ty E đơn phương chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán, ông S không canh tác trên diện tích đất giao khoán trên nên ông S không có nghĩa phải nộp sản phẩm khoán, tiền thuê đất cho Công ty E từ năm 2013 đến năm 2016; diện tích đất và cây do bà Â quản lý, sử dụng nên bà Â phải thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty E. Cho nên, việc ông S không nộp sản phẩm khoán và tiền thuê đất cho Công ty E từ năm 2013 đến năm 2016 là có cơ sở, không vi phạm hợp đồng.

[2.3]. Về nghĩa vụ nộp sản phẩm khoán và tiền thuê đất từ năm 2017 đến năm 2018: Thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2016/DS-PT ngày 16/6/2016; ngày 11/01/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk cưỡng chế bàn giao đất, tài sản trên đất cho ông S quản lý, sử dụng và ông S đã nhận vườn cây canh tác từ tháng 01/2017. Do đó, theo thỏa thuận tại Hợp đồng giao nhận khoán số 5.123/HĐKT năm 2010 thì ông S phải thực hiện nghĩa vụ nộp sản phẩm khoán và nộp tiền thuê đất hàng năm, của năm 2017, 2018. Tuy nhiên, ông S chỉ thực hiện nghĩa vụ nộp sản phẩm khoán năm 2017, 2018 sản lượng 310,2 kg hạt tiêu đen (*Phiếu thu ngày 6/7/2018*); đối với tiền thuê đất của năm 2017 và năm 2018, mặc dù Công ty E đã nhiều lần yêu cầu ông S đối chiếu công nợ, hoàn thành nghĩa vụ với Công ty E (*22/2/2017, 05/4/2017, 02/3/2018, 03/4/2018 và 05/7/2018*) nhưng ông S không hợp tác, không nộp tiền thuê đất của năm 2017 và năm 2018 cho Công ty E. Như vậy, ông S đã vi phạm thỏa thuận tại điểm k khoản 1, Điều 4 của Hợp đồng giao nhận khoán số 5.123/HĐKT- năm 2010: *"hàng năm, sau khi kết thúc vụ thu hoạch, bên B (ông S) có trách nhiệm đến gặp trực tiếp đội trưởng đội sản xuất để đối chiếu và quyết toán việc giao nộp sản phẩm khoán và nghĩa vụ tài chính khác có liên quan cho Công ty ..."*. Do đó, Công ty E thông báo chấm dứt hợp đồng giao khoán và thu hồi toàn bộ diện tích đất vườn cây đối với ông S là đúng theo thỏa thuận tại điểm e khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng giao nhận khoán số 5.123/HĐKT- năm 2010: *"Khi bên B (ông S) vi phạm hợp đồng thì bên A (Công ty E) căn cứ vào mức độ vi phạm để quyết định bồi thường thiệt hại hoặc hủy bỏ hợp đồng và thu hồi toàn bộ diện tích vườn cây đã giao khoán"*;

Sau khi Công ty E chấm dứt hợp đồng giao khoán với ông S; Công ty E ký kết Hợp đồng giao khoán số 5.183/HĐKT ngày 24/01/2019 đối với bà Đinh Thị Hải Â, giao vườn cây cho bà Â nhận khoán; bà Đinh Thị Hải Â đã thực hiện nghĩa vụ nộp số tiền 356.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất và đang trực tiếp, quản lý sử dụng đất, tài sản trên đất là Công ty đã thực hiện theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và quy định tại hợp đồng giao khoán.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: Ông S chỉ có duy nhất diện tích đất 7.000 m^2 nhận khoán của Công ty E là nguồn sống chính và áp dụng khoản 2 Điều 492 của Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là không phù

hợp với thực tế; bởi vì, ngoài việc gia đình ông S nhận khoán diện tích đất và cây trong vụ án này thì gia đình ông S đang nhận khoán diện tích 12.000 m^2 của Công ty E (*đại diện là bà bà Hồ Thị T- vợ ông S*) để canh tác từ năm 2008 cho đến nay theo Hợp đồng giao khoán số 798/HĐNK-Cty năm 2008 giữa Công ty Ea Kktur với bà T.

[5] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy Tòa án cấp phúc thẩm không chấp yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc Công ty E tiếp tục thực hiện hợp đồng giao khoán số: 5123/HĐGK- tháng 6/2010 và yêu cầu hủy Hợp đồng giao khoán số 5.183/HĐKT ngày 24/01/2019 giữa Công ty E với bà Đinh Thị Hải Â là có căn cứ nên Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 105/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 26/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 105/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 26/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2019/DS-PT ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về *"Kiện đòi bồi thường thiệt hại tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản"* giữa nguyên đơn là ông Lê Trường S với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê Ra Ktur, bà Định Thị Hải Â; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị T;

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2019/DS-PT ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục có hiệu lực pháp luật thi hành;

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- TAND tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- TAND huyện C, tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Thanh